TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH P**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:02/2022/DS - ST
Ngày 21/01/2022
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH P

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trịnh Đình Yên
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tiệm
Ông Vũ Thành Dũng

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Văn Tân - Thẩm tra viên

Trong ngày 21 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện H, tỉnh P xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 53/2021/TLST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXX - DS ngày 07/01/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hồ Hữu T, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1969; Đều ĐKHKTT: Khu 9, xã X, huyện H, tỉnh P.

(Ông T có văn bản ủy quyền cho bà H tham gia giải quyết vụ án. Theo văn bản ủy quyền ngày 30/11/2021).

- Bị đơn: Anh Trần Quốc H, sinh năm 1988; Nơi ĐKHKTT: Khu 6, xã X, huyện H, tỉnh P.

(Ông T, bà H và anh H vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị H trình bày:

Ngày 02 tháng 4 năm 2019 anh Trần Quốc H có vay vợ chồng bà số tiền 150.000.000đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng), mục đích để đáo nợ ngân hàng. Khi vay hai bên có viết giấy biên nhận vay tiền, có bà H và anh H ký, thời hạn vay là 10 ngày (đến ngày 12/4/2019), anh H sẽ trả toàn bộ số tiền vay. Khi vay hai bên không ghi lãi trong giấy biên nhận mà thỏa thuận miệng. Số tiền cho

vay là của vợ chồng nhưng khi đó chỉ có bà H và anh H ký vào giấy biên nhận, có sự làm chứng của bà Nguyễn Thị T. Đến hạn anh H không trả số tiền đó vay. Bà H đó đến nhà nhiều lần để đòi số tiền vay trên nhưng anh H khất lần không trả. Bà cũng đã nhờ chính quyền địa phương can thiệp hòa giải nhưng anh H vẫn hứa hẹn và không trả. Nay bà H, ông T khởi kiện đề nghị Tòa án buộc anh Trần Quốc H phải trả số tiền gốc là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng), không tính lãi và phải trả một lần.

Ông Hồ Hữu T thống nhất với quan điểm của bà H và đó ủy quyền cho bà H, ông không có ý kiến gì khác.

Trong bản tự khai, và các tài liệu sau đó bị đơn anh Trần Quốc H trình bày:

Anh H thừa nhận ngày 02 tháng 4 năm 2019 anh cú vay ông Hồ Hữu T và bà Nguyễn Thị H số tiền 150.000.000đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng), mục đích để đáo nợ ngân hàng. Khi vay hai bên có viết giấy biên nhận vay tiền, thời hạn vay là 10 ngày (đến ngày 12/4/2019), anh H sẽ trả toàn bộ số tiền vay. Khi vay lãi hai bên thỏa thuận miệng. Nhưng do làm ăn thua nỗ nên đến hạn anh không thể trả cho ông T, bà H số tiền đã vay đúng hẹn, anh cũng đó khất nhiều lần nhưng không thu xếp được để trả nợ. Nay phía ông T, bà H khởi kiện, quan điểm của anh H: hiện anh vỡ nợ, nhà đã bị ngân hàng phát mại khoảng 1 năm nay, anh phải đi ở nhờ, hiện anh không có tài sản gì. Anh xin được trả dần số nợ gốc 150.000.000đồng, không tính lãi, hình thức mỗi tháng trả 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho đến khi trả xong số tiền trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như bản tự khai, biên bản hòa giải được công bố tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn anh Trần Quốc H, trú tại Khu 6, xã X, huyện H, tỉnh P. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dânhuyện H, tỉnh P.

Xét về sự vắng mặt của nguyên đơn ông Hồ Hữu T, bà Nguyễn Thị H và bị đơn anh Trần Quốc H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bên đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nênn Tòa án xét xử là phù hợp theo quy quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đó tự khai và Tòa án đã tiến hành hòa giải theo luật định tuy nhiên hai bên đương sự chỉ thống nhất được về số tiền công nợ, không thỏa thuận được về thời hạn, phương thức trả nợ, vì

vậy Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử theo thủ tục chung để đảm bảo quyền lợi cho các đương sự.

Vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định: Ngày 02 thỏng 4 năm 2019 anh Trần Quốc H có vay vợ chồng ông Hồ Hữu T và bà Nguyễn Thị H bà số tiền 150.000.000đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng). Khi vay hai bên có viết giấy biên nhận vay tiền, giấy vay chỉ có bà H và anh H ký; thời hạn vay là 10 ngày (đến ngày 12/4/2019), lãi hai bên thỏa thuận miệng không ghi vào giấy biên nhận, mục đích anh H vay để đáo nợ ngân hàng. Kể từ đó đến nay do làm ăn khó khăn, vỡ nợ nên anh H thừa nhận chưa trả được cho vợ chồng ông T, bà H được khoản tiền nào.

Hội đồng xét xử xác định, giao dịch dân sự giữa vợ chồng ông T, bà H với anh Trần Quốc H ngày 02/4/2019, là quan hệ pháp luật vay tài sản có kỳ hạn, phù hợp với quy định tại Điều 470 của Bộ luật dân sự. Kể từ khi xác lập giao dịch dân sự các bên tham gia đã phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự do phép luật quy định. Vợ chồng ông T, bà H đó thực hiện xong nghĩa vụ của mình như cam kết là cho anh H vay tiền; còn anh H không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ như đó cam kết, vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên vợ chồng ông T, bà H khởi kiện đũi số tiền 150.000.000đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) là có căn cứ pháp luật

Về việc tính lãi suất: Hai bên xác định không tính lãi số tiền vay là phù hợp quy định của pháp luật, được chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc anh Trần Quốc H phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông T, bà H khoản tiền vay còn nợ gốc là 150.000.000đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) là hoàn toàn phù hợp pháp luật.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 463, 466, 470 và Điều 357 của Bộ luật dân sự; khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39; khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về " Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Hồ Hữu T và bà Nguyễn Thị H;

Buộc anh Trần Quốc H phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông Hồ Hữu T và bà Nguyễn Thị H số tiền vay còn nợ gốc là 150.000.000đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, nếu anh Trần Quốc H không T toán, mà vợ chồng ông Hồ Hữu T và bà Nguyễn Thị H có đơn đề nghị thi hành án, thì phải trả lãi theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

* Về án phí: Buộc anh Trần Quốc H phải chịu 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho vợ chồng ông Hồ Hữu T và bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí là 3.700.000đ (Ba triệu bảy trăm nghỡn đồng) bà H đã nộp theo biên lai số AA/2020/0004767 ngày 22/11/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh P

Đương sự có mặt được quyền kháng cỏo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết, để đề nghị Toà án nhân dân tỉnh P xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

"Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"./.

Nơi nhận:
- VKSND TP.H. H, tỉnh P;
- Chi cục THADS H. H;
- Các Đương sự;
- Lưu HS, AV.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Đình Yên